

SỞ Y TẾ QUẢNG NAM
BỆNH VIỆN DA LIỄU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 509/BVDL-XND
V/v mời chào giá hóa chất

Quảng Nam, ngày 16 tháng 11 năm 2023

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp hóa chất

Bệnh viện Da liễu Quảng Nam có nhu cầu mua sắm một số hóa chất phục vụ công tác khám chữa bệnh trong năm 2024 (Danh mục hóa chất) (kèm theo Phụ lục I). Để có cơ sở lập kế hoạch mua sắm, bệnh viện kính mời các đơn vị quan tâm cung cấp các tài liệu liên quan đến các mặt hàng hóa chất gửi đến Bệnh viện Da liễu Quảng Nam để tổng hợp với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: **BỆNH VIỆN DA LIỄU QUẢNG NAM**

Địa chỉ: Đường N24, Khối phố Mỹ Hiệp, P. An Mỹ, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Các đơn vị tham gia chào giá, gửi trực tiếp thông tin bằng bảng giấy (niêm phong) đến Bệnh viện Da liễu Quảng Nam (Qua văn thư hoặc khoa Xét nghiệm CDHA - Dược - VTYT) cụ thể:

- DS Trần Thị Liên- Chức vụ: Phó trưởng khoa XNCĐHA-DVTYT, ĐT: 02353829571; địa chỉ Email: lientran73d@gmail.com

- Hoặc: CN. Ngô Thị Tiến, Chức vụ: Nhân viên (Văn thư) phòng TCHC-TCKT, ĐT: 0966586576; địa chỉ Email: honey022019@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa XNCĐHA-DVTYT hoặc phòng TCHC-TCKT; Bệnh viện Da liễu Quảng Nam; đường N24, Khối phố Mỹ Hiệp, phường An Mỹ, TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 09 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 11 năm 2023 đến trước 14 giờ 00 phút ngày 27 tháng 11 năm 2023 [ghi rõ ngày, tháng, năm] ⁽²⁾

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu: 90 ngày, kể từ ngày báo giá [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hoá chất (Kèm theo mẫu phụ lục I)

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt,



bảo quản hóa chất:

- + Giao hàng: Tại Bệnh viện Da liễu Quảng Nam.
- + Giá báo giá đã bao gồm giá mua hóa chất và các loại thuế, các chi phí khác, vận chuyển... đến tại Bệnh viện Da liễu Quảng Nam.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Bên mua thanh toán cho bên bán chậm nhất 90 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn chứng từ.

5. Các thông tin khác :

- Văn bản chứng minh đơn vị có chức năng trong việc chào giá tương ứng: (vd: Giấy phép đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh TTBYT loại B,C,D...)

- Quyết định phê duyệt KQLCNT/Hợp đồng/ Hoá đơn bán hàng của sản phẩm báo giá trong vòng 120 ngày(nếu có)

III. Mẫu báo giá: (Kèm theo mẫu phụ lục II)

Lưu ý:

- Hồ sơ chào giá phải bỏ vào phong bì, niêm phong kín, bên ngoài phong bì ghi rõ nội dung **tham gia chào giá hoá chất của Bệnh viện Da liễu Quảng Nam** để theo dõi, yêu cầu ghi rõ: Tên đơn vị (tên Công ty) địa chỉ, số điện thoại. Đơn vị chào giá chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ chào giá và các đơn vị chào giá đảm bảo độc lập, không liên quan với nhau.

- *Danh mục hóa chất theo phụ lục I đính kèm có nhiều phần, nhiều mặt hàng; các đơn vị quan tâm có thể tham dự theo từng phần, một hoặc nhiều mặt hàng hoặc tất cả các phần có trong danh mục*

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Công ty. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng Website bệnh viện;
- Lưu: VT, XND; TC-HC&TC-KT.



BS.CKI Nguyễn Văn Cẩm

PHỤ LỤC I DANH MỤC HOÁ CHẤT

(Đính kèm thư mời chào giá số 179 /BVDL-XND, ngày 16 / 11 /2023)

| STT | Tên hóa chất (tên chung) | Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật | Số lượng/khối lượng | Đơn vị tính |
|-----|---|---|---------------------|-------------|
| 1 | Viên khử khuẩn dụng cụ, bề mặt các loại | Hóa chất tẩy rửa sinh học đa enzyme hiệu quả với mọi chất bẩn. Tẩy rửa dụng cụ nội khoa, ngoại khoa và các dụng cụ y tế khác bằng cách ngâm, bồn rửa siêu âm hoặc máy rửa dụng cụ. Hiệu quả với các màng biofilm, hiệu quả tẩy rửa được chứng minh. | 800 | Viên |
| 2 | Dung dịch sát khuẩn tay nhanh, thường quy, thủ thuật các loại | Chlohexidine Gluconate 4% + Emollient & Moisture (Chất làm mềm và ẩm da). Dung dịch rửa tay thường quy trong bệnh viện. | 12.000 | MI |
| 3 | Dung dịch khử khuẩn bề mặt các loại | <p>Lysonox® AP là một sản phẩm dạng lỏng dựa trên hoạt động của axit peracetic, để khử khuẩn mức độ cao/tiệt khuẩn lạnh đối với các thiết bị y tế không chịu nhiệt nói chung. Dung dịch được hoà trộn giữa dung dịch gốc và chất kích hoạt trong quá trình sử dụng. Dung dịch tạo ra có khả năng tương thích vật liệu tuyệt vời, kể cả đối với các vật liệu nhạy cảm nhất (ví dụ: hệ thống quang học)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Axit peracetic dạng lỏng, sử dụng dễ dàng và nhanh chóng • Quá trình kích hoạt mất tối đa 2 phút sau khi các thành phần đã được trộn (hoạt chất kích hoạt + dung dịch gốc), duy trì nồng độ peracetic đạt 900 - 1,500ppm (0.09 - 0.15%) • Độ ổn định của sản phẩm chưa sử dụng: 3 năm. • Phổ khử khuẩn rộng • Khả năng tương thích vật liệu cao • Có thể được sử dụng thủ công và trong máy rửa khử khuẩn tự động (ví dụ: EWD) • Được thiết kế đáp ứng cho bất cứ nhu cầu phẫu thuật nào • Độ ổn định của dung dịch đã pha: 14 ngày/65 chu kỳ (với máy rửa tự động EWD) • Que thử kiểm tra nồng độ % m/v của axit peracetic (Bán rời) <p>Nhanh chóng: thời gian tiếp xúc chỉ từ 5 phút (ngâm thủ công) đến 10 phút (rửa bằng EWD)</p> | 10.000 | MI |
| 4 | Cồn 70 độ | Cồn 70 độ là một dung dịch lỏng không màu có công dụng diệt vi khuẩn. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 | 33 | Lít |



| | | | | |
|----|---|--|--------|-----|
| 5 | Cồn tuyệt đối | Ethanol \geq 99%, trắng trong không màu | 2 | Lit |
| 6 | Bộ nhuộm Gram | Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Gram. Bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet, Lugol, Alcohol và Safranine. | 1 | Bộ |
| 7 | Bộ nhuộm Ziehl Neelsen | Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Ziehl-Neelsen, tìm trực khuẩn kháng acid. Bao gồm 3 dung dịch thuốc nhuộm thành phần: Carbon Fuchsin, Alcohol Acid, Methylene Blue | 1 | Bộ |
| 8 | Dung dịch ly giải màng hồng cầu cho máy huyết học 3 thành phần bạch cầu | Dung dịch trong suốt và không màu. Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC) Số 1272/2008. Thành phần: D18 Chất ly giải (Lysing agent) < 0,1% + Chất tẩy rửa (Detergent) < 5% Nhiệt độ bảo quản: Điều kiện bảo quản (trước khi mở): 18-25°C. Không để đông lạnh. Độ ổn định sau khi mở: Tối đa 1 tháng ở 18-25°C sau khi mở. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 | 1.000 | MI |
| 9 | Dung dịch chuẩn dùng cho máy xét nghiệm huyết học 3 thành phần bạch cầu | Thành phần: ABX Minotrol 16 chứa bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú được làm thành hỗn dịch ở dạng dịch giống như huyết tương. Nhiệt độ bảo quản: Điều kiện bảo quản: 2-8°C (35-46°F). Không để đông lạnh. Bảo quản các ống theo chiều thẳng đứng trong bao bì gốc khi không sử dụng. Không nên bảo quản trong khoang cửa của tủ lạnh. Độ ổn định sau khi mở: ABX Minotrol 16 ổn định trong 16 trường hợp lấy mẫu trong tối đa 16 ngày ở 2-8°C (35-46°F) sau khi mở ống. ABX Minotrol 16 phải được đậy nắp chặt sau khi sử dụng. -Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 | 5 | MI |
| 10 | Dung dịch pha loãng cho máy xét nghiệm huyết học 3 thành phần bạch cầu | Dung dịch pha loãng, phù hợp với máy xét nghiệm huyết học HIROBA ABX Micros ES60 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 | 40.000 | MI |

| | | | | |
|----|--|---|-------|------|
| 11 | Dung dịch rửa cho máy xét nghiệm huyết học 3 thành phần Bạch cầu | Dung dịch rửa thường quy, phù hợp với máy xét nghiệm huyết học HIROBA ABX Micros ES60... Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 | 3.000 | MI |
| 12 | Dung dịch rửa đậm đặc cho máy xét nghiệm huyết học 3 thành phần Bạch cầu | Dung dịch nước base, trong suốt, màu vàng nhạt, có mùi chất tẩy trắng Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC) Số 1272/2008. Thành phần: Chất làm sạch hóa chất (Chemical cleaning agent) < 5% Chất ổn định hóa học (Stabilizer) < 1% Nhiệt độ bảo quản: Điều kiện bảo quản (trước khi mở): 18-25°C. Không để đông lạnh. Độ ổn định sau khi mở: Tối đa 6 tháng ở 18-25°C sau khi mở. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485 | 500 | MI |
| 13 | Que thử nước tiểu 10 thông số | Phù hợp máy TC -101 Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 | 1.000 | Test |
| 14 | Ống EDTA nắp cao su | Ống nghiệm chân không EDTA K3 được sản xuất từ nhựa PET với nắp cao su. Kích thước 13x75mm. Ống nghiệm đã được hút chân không Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 | 2.000 | Ống |
| 15 | Ống nghiệm HEPARIN | Ống nghiệm chân không Heparin được sản xuất từ nhựa PET với nắp cao su. Kích thước 13x75mm. Ống nghiệm đã được hút chân không Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 | 2.000 | Ống |
| 16 | Thuốc thử xét nghiệm GPT (ALAT) trong máu | Bộ kit thuốc thử GPT (ASAT); Phương pháp phân tích IFCC, tại các bước sóng 334nm, 340nm, 365nm; Thành phần hoá chất đóng gói: Thuốc thử R1: 5x60 ml. Thuốc thử R2: 5x20 ml ; HSD 12 Tháng; HSD 24 tháng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 | 400 | ML |
| 17 | Thuốc thử xét nghiệm GOT (ASAT) trong máu | Bộ kit thuốc thử GOT (ASAT); Phương pháp phân tích IFCC, tại các bước sóng 334nm, 340nm, 365nm; Thành phần hoá chất đóng gói: Thuốc thử R1: 5x60 ml. Thuốc thử R2: 5x20 ml ; HSD 12 Tháng Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 | 400 | ML |
| 18 | Thuốc thử xét nghiệm Ure trong máu | Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng nồng độ Ure trong huyết tương và huyết thanh Phương pháp: GLDH Thành phần [ENZ] Enzymes | 400 | MI |

| | | | | |
|----|--|--|-----|----|
| | | <p>Tris buffer (pH 7.8) 125 mmol/l ADP 0.88 mmol/l Urease >20 kU/l GLDH > 0.3 kU/l Sodium Azide 0.095 % [SUB] Substrate 2-oxoglutarate 25 mmol/l NADH 1.25 mmol/l Sodium Azide 0.095 % [STD] Standard Urea 80 mg/dl or 13.3 mmol/l Sodium Azide 0.095 % Ổn định: 5 ngày ở 15-25°C hoặc 4 tuần ở 2-8°C Đóng gói: ENZ] 8 x 40 ml Enzymes [SUB] 8 x 10 ml Substrate [STD] 1 x 3 ml Standard TCCL: CE, ISO 13485</p> | | |
| 19 | Thuốc thử xét nghiệm Creatinin trong máu | <p>Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng nồng độ Creatinine trong huyết tương và huyết thanh Phương pháp: Jaffé-Reaction Thành phần: [PIC] Picric Acid 26 mmol/l [NaOH] Sodium Hydroxide 1.6 mol/l [STD] Standard: Creatinine 2 mg/dl or 176.8 µmol/l Ổn định: 4 tuần ở 15-25°C Đóng gói: [PIC] 1 x 100 ml Picric Acid [NaOH] 1 x 100 ml Sodium Hydroxide [STD] 1 x 5 ml Standard TCCL: CE, ISO 13485</p> | 200 | MI |
| 20 | Thuốc thử xét nghiệm Glucose trong máu | <p>Glucose trong huyết tương và huyết thanh Phương pháp: GOD-PAP Method Thành phần: [RGT] Enzyme reagent Phosphate buffer (pH 7.5) 100 mmol/l 4-Aminoantipyrine 0.25 mmol/l Phenol 0.75 mmol/l Glucose oxidase ≥ 15 KU/l Peroxidase ≥ 1.5 KU/l Mutarotase > 0.1 KU/l Sodium azide 0.095 % [STD] Standard Glucose 100 mg/dl or 5.55 mmol/l Độ ổn định: 2 tuần ở 15-25°C Đóng gói: [RGT] 4 x 100 ml ; [STD] 1 x 3 ml TCCL: CE, ISO 13485</p> | 400 | MI |
| 21 | <p>Chất hiệu chuẩn (Calibration) Albumin, Bilirubin toàn phần, Bilirubin trực tiếp, Protein, Ure, Creatinin, Glucose, UIBC, Cholesterol, Triglycerid, HDL-C, LDL-C, Acid uric, CK, CK-MB, GOT (ASAT), GPT (ALAT), GGT, Calcium, Sắt (Fe), Magnesi, Alpha amylase, Lipase, Cystatin C, lactate, LDH, trong máu</p> | <p>Chất hiệu chuẩn sử dụng cho xét nghiệm sinh hóa Thành phần: Huyết thanh người và các thành phần hóa học Độ bền trên máy: ở 25°C: 8 giờ; ở 2-8°C: 7 ngày Đóng gói: 4x 5ml TCCL: CE, ISO 13485</p> | 20 | MI |

| | | | | |
|----|--|---|-------|------|
| 22 | Chất chuẩn (QC Control) Albumin, Bilirubin toàn phần, Bilirubin trực tiếp, Protein, Ure, Creatinin, Glucose, UIBC, Cholesterol, Triglycerid, HDL-C, LDL-C, Acid uric, CK, CK-MB, GOT (ASAT), GPT (ALAT), GGT, Calcium, Sắt (Fe), Magnesi, Alpha amylase, Lipase, Cystatin C, lactate, LDH, trong máu | Hóa chất nội kiểm sinh hóa Chứng cho các giá trị bình thường sinh hóa trên máy tự động, bán tự động | 30 | MI |
| 23 | Chất chuẩn (QC Control) Albumin, Bilirubin toàn phần, Bilirubin trực tiếp, Protein, Ure, Creatinin, Glucose, UIBC, Cholesterol, Triglycerid, HDL-C, LDL-C, Acid uric, CK, CK-MB, GOT (ASAT), GPT (ALAT), GGT, Calcium, Sắt (Fe), Magnesi, Alpha amylase, Lipase, Cystatin C, lactate, LDH, trong máu | Hóa chất nội kiểm sinh hóa Chứng cho các giá trị bệnh lý sinh hóa trên máy tự động, bán tự động | 30 | MI |
| 24 | Test nhanh kháng nguyên chẩn đoán Chlamydia | Định tính kháng nguyên Chlamydia, Độ nhạy: 93.1%; Độ đặc hiệu: 98.8% Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 | 50 | Test |
| 25 | RPR-Carbon | Dùng cho xét nghiệm RPR (Rapid Plasma Reagin) nhằm sàng lọc kháng thể giang mai trong máu của người bệnh có ở trong huyết tương/huyết thanh của người mắc Syphilis. | 1.500 | Test |
| 26 | TPHA | Dùng cho xét nghiệm TPHA (Treponema pallidum) được dùng để tìm hiểu sự hiện diện của kháng thể kháng xoắn khuẩn giang mai có ở trong huyết tương/huyết thanh của người mắc Syphilis. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485 | 1.800 | Test |



Handwritten signature or mark.

Phụ lục II: Mẫu Báo giá
(Đính kèm thư mời chào giá số 509 /BVDL-XND, ngày 14/11/2023)

(Thông tin công ty: Tên, địa chỉ, SĐT; Email...)

..... ngày.....tháng.....năm 2023

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Da liễu Quảng Nam

Công ty.....(Tên đơn vị báo giá) hân hạnh gửi đến Quý Bệnh viện bảng báo giá cụ thể sau:

- Báo giá cho các hóa chất liên quan

| Stt | Tên hàng hóa(tên chung) | Tên thương mại | Quy cách | Đặc tính năng kỹ thuật(Thông số kỹ thuật) | Ký hiệu/Mã hàng hóa/chứng loại(nếu có) | Hãng sản xuất | Nước sản xuất | ĐVT | Số lượng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|-----|-------------------------|----------------|----------|---|--|---------------|---------------|-----|----------|---------------|------------------|
| 1 | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | |



Báo giá trên đã bao gồm VAT và các chi phí vận chuyển

Thông tin khác: (Giao hàng, thanh toán....)

- Báo giá này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi ngày.....tháng.....năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

- Chúng tôi cam kết:

- Không đang quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc hợp mạt khả năng thanh toán theo

quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hóa chất nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm.....

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽¹²⁾ 

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

